TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 05 tháng 8 năm 2020.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Đinh Thị Hoang.

2. Ông: Lê Hoàng Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Loan, là Thư ký Tòa án huyện A, tỉnh Bình Định;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1988. (có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Chị Phan Thị S, sinh năm 1986. (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/2/2020, bản khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn anh Hoàng Văn D trình bày:

- Về hôn nhân: Trước khi đi đến hôn nhân, anh D và chị S tự nguyện tìm hiểu với nhau, được hai bên gia đình đồng ý, cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân. Đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Từ khi thành hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Lý do cả 2 luôn bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau. Năm 2016 chị S chuyển hộ khẩu về huyện Ao, tỉnh Bình Định sinh sống, cùng thời gian này anh D mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ nên có về huyện A, tỉnh Bình Định sinh sống để hàn gắn tình cảm với chị S nhưng không đạt kết qủa. Năm 2017 anh D không ở A nữa mà đi làm ăn ở Thành phố Hồ Chí Minh, kể từ đó hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không bên nào còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Tình cảm vợ chồng hiện nay không còn nữa, anh D xin được giải quyết ly hôn với chị S.

- Về nuôi con chung: Anh D và chị S có 01 đứa con chung tên Hoàng Mạnh H, sinh ngày 26/3/2011. Sau khi ly hôn anh D giao con cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con tròn 18 tuổi.

- Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn chị Phan Thị S trình bày:

- Về hôn nhân: Chị S và anh D tự nguyện tìm hiểu với nhau, được hai bên gia đình đồng ý, cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân. Đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An như lời khai của anh D là đúng. Còn việc mâu thuẫn của vợ chồng là vào năm 2012 anh D đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nhưng không lo làm ăn mà chỉ lo ăn chơi và có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, làm bản thân chị S mất niềm tin với anh D và anh D gây nên nợ nần. Khi anh D về nước cũng không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau, từ năm 2016 chị đã chuyển nhân khẩu về sinh sống ở huyện A, tỉnh Bình Định, kể từ đó anh chị đã sống ly thân với nhau, không bên nào còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Hiện nay anh D yêu cầu ly hôn với chị thì chị không đồng ý ly hôn với anh D, trường hợp anh D chấp nhận cấp dưỡng tiền nuôi con 1 lần thì chị mới đồng ý ly hôn với anh D.

- Về nuôi con chung: Chị S và anh D có 01 đứa con chung như lời anh D trình bày là đúng. Sau khi ly hôn chị S đồng ý nhận chăm sóc, nuôi dưỡng con đến trưởng thành, chị S đồng ý với mức cấp dưỡng tiền nuôi con mà anh D đề nghị, nhưng chị S yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền 1 lần cho đến khi con tròn 18 tuổi.

- Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương (nơi chị S sinh sống) cho biết: Địa phương không nắm rõ việc mâu thuẫn giữa chị S và anh D. Chị S về sinh sống tại địa phương từ năm 2016 cho đến nay, địa phương không thấy anh D sinh sống chung với chị S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) từ khi thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng; thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ án đầy đủ, xác minh tình trạng hôn nhân, mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn quy định, cấp phát các văn bản tố tụng đúng trình tự thủ tục luật định.

Hội đồng xét xử: Thành phần 01 Thẩm phán, 02 Hội thẩm đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS, nguyên tắc xét xử độc lập, tuân thủ các quy định chung về phiên tòa. Thư ký: Phổ biến nội quy phiên tòa, báo cáo sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51, 237 BLTTDS.

Nguyên đơn: Chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ đúng quy định Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn: Không chấp hành đúng quy định Điều 70, 72 BLTTDS.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Hoàng Văn D được ly hôn với chị Phan Thị S;

- Về nuôi con chung: Giao con chung Hoàng Mạnh H, sinh ngày 26/3/2011 cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2020. Chị S yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con 1 lần cho đến khi con tròn 18 tuổi là không phù hợp;

- Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án có quan hệ tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", giữa nguyên đơn anh Hoàng Văn D, cư trú tại: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Nghệ An và bị đơn chị Phan Thị S, cư trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định. Các điều kiện thụ lý như: Chủ thể, thẩm quyền đảm bảo nên Tòa án nhân dân huyện An L thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS.

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Chị Phan Thị S đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến lần thứ hai. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân: Anh Hoàng Văn D và chị Phan Thị S kết hôn năm 2008 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An trên cở sở tự nguyện, như vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi thành hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống nên năm 2016 chị S đã chuyển về huyện A, tỉnh Bình Định sinh sống, anh D muốn đoàn tụ cùng với chị S nên cũng đã về sinh sống tại huyện A vào năm 2016, nhưng cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị vẫn không đạt được. Từ năm 2016 anh và chị S đã sống ly thân cho đến nay, hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị S cũng thừa nhận rằng từ năm 2016 cho đến nay hai người đã sống ly thân với nhau, không bên nào còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa, nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh D vì lý do anh D có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và nếu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con 1 lần thì chị mới đồng ý ly hôn với anh D. Mặc dù chị S không đồng ý ly hôn với anh D nhưng có căn cứ cho rằng chị S và anh D đã sống ly thân đã hơn 4 năm nay, anh D và chị S không còn quan tâm đến nhau trong thời gian dài, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, người cha đối với con, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chính quyền địa phương cũng đã xác nhận từ năm 2016 cho đến nay anh D không sống chung với chị S. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh D được ly hôn với chị S là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.1] Về nuôi con chung: Anh D và chị S cùng khai có 01 đứa con chung là Hoàng Mạnh H, sinh ngày 26/3/2011. Xét thấy cháu H trên 7 tuổi. Kể từ khi cha mẹ sống ly thân đến nay chị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu đảm bảo tốt về mọi mặt cho con, nguyện vọng của cháu H muốn được sống cùng chị S và anh D cũng đồng ý giao con cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó giao cháu H cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.1.1] Về mức cấp dưỡng: Anh D đề nghị cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ thì chị S đồng ý với mức cấp dưỡng. Nhưng chị S yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con 1 lần đến khi con tròn 18 tuổi, việc yêu cầu của chị S không được anh D chấp nhận. Theo quy định tại Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình về phương thức cấp dưỡng "*Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hằng tháng, hằng quý, nửa năm, hằng năm hoặc một lần. Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng;..*". Theo lời khai của anh D và chị S cũng thừa nhận rằng anh D làm việc chân tay, thu nhập không ổn định. Do đó việc chị S yêu cầu anh Dũng cấp dưỡng tiền nuôi con 1 lần không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về chia tài sản: Anh D và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[3] Về án phí DSST: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát việc xét xử tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, Điều 85, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Hoàng Văn D.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Hoàng Văn D và chị Phan Thị S.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Hoàng Mạnh H, sinh ngày 26/3/2011 cho chị Phan Thị S trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền để chị S nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) cho đến khi con tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2020.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

2.3. Bác yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con 1 lần của chị S.

3. Về chia tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Hoàng Văn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Tổng cộng 600.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 08668 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Anh D còn phải nộp 300.000 đồng.

Án xử công khai, anh Hoàng Văn Dg có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/8/2020). Chị Phan Thị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan THADS huyện A;
- UBND xã T, huyện T,
tỉnh Nghệ An (Bộ phận thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- TAND tỉnh Bình Định (Phòng KTNV);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Huy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**